|  |  |
| --- | --- |
|  SỞ GD & ĐT BẮC NINH |  CHUYÊN ĐỀ ÔN TẬP **KÌ THI TÔT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Ngữ Văn** |

## Chuyên đề 14:

## CÁCH XÂY DỰNG LUẬN ĐIỂM TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ THƠ

**Người biên soạn: Lê Thị Như Hoa**

**Đơn vị công tác: Trường THPT Yên Phong số 2**

## I. LÍ THUYẾT

## 1. Nghị luận và nghị luận về thơ

## - Nghị luận chính là thao tác nhằm mục đích trình bày quan điểm, thuyết phục người nghe, người đọc về một vấn đề, góc độ nào đó của người viết người nói.

 - Nghị luận về thơ (một bài thơ, đoạn thơ) cũng là bài viết nhằm mục đích thể hiện quan điểm của người viết, người nói về bài thơ, đoạn thơ. Đối với yêu cầu nghị luận về đoạn thơ, bài thơ thì quan trọng nhất chính là xác định luận điểm.

**2. Luận điểm**

**2.1. Luận điểm là gì ?**

- Luận điểm được hiểu là những quan điểm, tư tưởng, là lập luận chính để làm nổi bật một vấn đề nào đó đang được nhắc đến trong một bối cảnh cụ thể, hoặc là trong một bài văn nghị luận.

- Luận điểm được biết đến là những ý kiến cơ sở, là nền tảng giúp triển khai quan điểm của bản thân để truyền đạt lại cho những người xung quanh.

***2.2. Các loại luận điểm***

  Có nhiều luận điểm, không có số luận điểm tối đa nhưng có 2 loại luận điểm để có thể chứng minh vấn đề một cách thuyết phục, đó là luận điểm chính và luận điểm phụ.

*- Luận điểm chính* là những tư tưởng, lập luận chính được nhắc đến trong khi thảo luận, bài nghị luận mà những lập luận chính đó chính là mấu chốt để thuyết phục người khác tin tưởng rằng quan điểm của mình là chính xác.

*- Luận điểm phụ* là những đặc điểm đặt ra thể chứng minh, làm rõ các luận điểm chính từ đó làm sáng tỏ được vấn đề. Để chứng minh cho những luận điểm chính của mình thì người ta thường kèm theo một số luận điểm phụ để soi sáng cho luận điểm chính của toàn bài.

***2.3. Vai trò của luận điểm***

- Luận điểm có vai trò quan trọng và ý nghĩa lớn, nó được coi như là xương sống của việc lập luận.

- Luận điểm đưa ra có chính xác, có tính thuyết phục thì mới có thể tạo nên một bài nghị luận hay. Luận điểm có thể nói là quan trọng nhất. Bởi nếu xác định không đúng luận điểm thì bài văn nghị luận của bạn dù có đưa ra những dẫn chứng xuất sắc đến đâu cũng trở nên vô nghĩa.

- Các luận điểm phải có tính đúng đắn, bao quát, đặt ra các câu hỏi cần tranh luận và trả lời thuyết phục cho những câu hỏi đó.

**3. Cách xác định luận điểm trong văn bản thơ**

Đối với một văn bản nghị luận về thơ để xác định được luận điểm của bài là gì thì trước hết các bạn cần xác định câu hỏi mà đề bài ra là gì. Dưới đây là các bước hướng dẫn các bạn một số cách cụ thể để nhận biết luận điểm trong văn bản nghị luận đơn giản mà chính xác như sau:

- Dựa vào các dữ liệu có sẵn trong đề bài (ví dụ như: những nội dung, những hình ảnh, những luận cứ, dẫn chứng trong bài được nêu ra)

- Dựa vào cách đặt các câu hỏi (Để nhận diện được đâu là luận điểm hãy quan trọng hóa cách chúng ta đặt câu hỏi liên quan và xoay quanh chủ đề bài văn)

- Dựa vào cách thức nghị luận (Phương thức nghị luận cũng là yếu tố để giúp chúng ta biết được khoảng vị trí mà luận điểm chính được đặt trong bài)

Như vậy để có thể tạo sự tin cậy cho luận điểm chính ta cần có thêm hệ thống các luận điểm với mục đích là để giải thích, tường minh ý nghĩa của luận điểm chính là gì. Vì thế trong một bài văn nghị luận về thơ, việc xuất hiện các luận điểm về nội dung gồm luận điểm 1, luận điểm 2, luận điểm 3,… luận điểm n và luận điểm về nghệ thuật là hoàn toàn bình thường.

***Ví dụ:*** Với đề bài phân tích hình tượng người lính trong bài thơ ***Tây Tiến*** của Quang Dũng. Căn cứ vào nội dung, hình ảnh và câu hỏi liên quan và xoay quanh chủ đề bài văn chúng ta xây dựng được các luận điểm sau:

**\* Luận điểm về nội dung:**

**- *Luận điểm 1***: *Vẻ đẹp tinh thần của người lính Tây Tiến*

**- *Luận điểm 2***: *Vẻ đẹp ngoại hình của người lính Tây Tiến*

**- *Luận điểm 3:*** *Vẻ đẹp nội tâm của người lính Tây Tiến*

**- *Luận điểm 4****:* *Vẻ đẹp về lẽ sống cao cả của người lính Tây Tiến*

**\* Luận điểm về nghệ thuật: *Luận điểm 5:*** *Đặc sắc nghệ thuật*

Các luận điểm đều tập trung làm sáng tỏ vẻ đẹp hình tượng người lính Tây Tiến.

**4. Cách trình bày luận điểm trong thơ (phần thân bài)**

**4.1. Luận điểm về nội dung**

***\*Luận điểm 1***

- Luận cứ 1

- Luận cứ 2

- Luận cứ 3

- Luận cứ n

***\*Luận điểm 2***

- Luận cứ 1

- Luận cứ 2

- Luận cứ 3

- Luận cứ n

***\*Luận điểm n***

- Luận cứ 1

- Luận cứ 2

- Luận cứ 3

- Luận cứ n

**4.2. Luận điểm về nghệ thuật:** Chỉ ra những đặc sắc nghệ thuật

***Ví dụ:*** Với đề bài phân tích hình tượng người lính trong bài thơ ***Tây Tiến*** của Quang Dũng. Chúng ta cụ thể hoá các luận điểm bằng các luận cứ

***Về nội dung***

***\* Luận điểm 1: Vẻ đẹp tinh thần***

Chặng đường hành quân gian khổ:

* *Luận cứ 1:* Địa danh Sài Khao, Mường Lát gợi sự hẻo lánh, xa xôi; các từ láy giàu tính tạo hình: “khúc khuỷu”, “thăm thẳm”, “heo hút”, điệp từ “dốc” gợi địa hình hiểm trở, quanh co, gập ghềnh.
* *Luận cứ 2:* Nhịp thơ bẻ đôi “Ngàn thước... xuống” gợi tả sự nguy hiểm tột cùng.
* *Luận cứ 3:* Hình ảnh nhân hóa: “cọp trêu người”, “thác gầm thét” gợi sự hoang sơ, man dại; thời gian: “chiều chiều”, “đêm đêm” những người lính phải thường xuyên đối mặt với điều hiểm nguy chốn rừng thiêng nước độc.
* *Luận cứ 4:* Hình ảnh “súng ngửi trời” thể hiện tầm cao của núi non mà người lính phải vượt qua nhưng cũng có cái hóm hỉnh của người lính trong hoàn cảnh gian khổ.

-  *Luận cứ 5:* Khung cảnh thiên nhiên cũng có lúc êm dịu, đậm hương vị cuộc sống: “nhà ai Pha Luông ...”, “cơm lên khói”, “Mai Châu mùa em ...”, thanh bằng tạo cảm giác nhẹ nhàng, yên bình. Là tiếng thở phào nhẹ nhõm sau chặng đường dài hành quân.

*=> nỗ lực, vượt lên những khó khăn gian khổ*

***\* Luận điểm 2: Vẻ đẹp ngoại hình***

- *Luận cứ 1:* “đoàn binh không mọc tóc”: hậu quả của những trận sốt rét rừng khắc nghiệt. “ Dữ oai hùm” phần nào cho thấy phong thái ngang tàng, gan góc, ngạo nghễ của những người lính trẻ.

*- Luận cứ 2:* “quân xanh màu lá”: là hình ảnh làn da tái xanh như màu lá do bệnh sốt rét rừng (có thể là màu xanh của lá ngụy trang, có thể hiểu là màu xanh áo lính). Đó cũng là những mất mát hi sinh thầm lặng (dần mất sức khỏe, sức trai tráng).

- *Luận cứ 3:* “mắt trừng”: cái nhìn dữ dội, người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp của những người tráng sĩ xưa, cũng gợi hình ảnh khuôn mặt hốc hác do điều kiện vật chất thiếu thốn.

- *Luận cứ 4:* “đoàn binh”: gợi hình ảnh một lực lượng đông đảo mang những nét chung phổ biến của mọi người lính (đầu không mọc tóc, da xanh, mắt trừng dữ dội)

***=> dữ dội, oai phong, lẫm liệt***

***\* Luận điểm 3: Vẻ đẹp nội tâm***

- *Luận cứ 1:* “Kìa em xiêm áo... xây hồn thơ”: cái nhìn đắm say, tình tứ của những người lính Tây Tiến trước vẻ đẹp duyên dáng của con người Tây Bắc. Tâm hồn người lính bay bổng, say mê trong không khí ấm áp tình người.

- *Luận cứ 2:* “gửi mộng”, “đêm mơ”: lính Tây Tiến là những con người mơ mộng, là những người trai xuất thân từ đất hà thành nên họ mang vào chiến trường cả nét thi vị, lãng mạn trong tâm hồn (so sánh người lính xuất thân từ nông dân trong bài Đồng Chí – Chính Hữu).

- *Luận cứ 3:* “Hà Nội” là khung trời thương nhớ, là không gian khác hẳn đời sống gian khổ chiến trường, đó là nỗi nhớ quê hương.

- *Luận cứ 4:* “dáng Kiều thơm” gợi hình ảnh những thiếu nữ Hà Nội yêu kiều, kiêu sa, hình bóng người thương của lính Tây Tiến. Đó là nguồn động lực để họ chiến đấu nơi chiến trường gian khổ.

=> ***hào hoa, đa tình, lãng mạn của những người lính trẻ***

***\* Luận điểm 4: Vẻ đẹp của lẽ sống***

*- Luận cứ 1:* Hình ảnh bi hùng về người lính Tây Tiến “dãi dầu không bước nữa”, “gục lên súng mũ bỏ quên đời”: đó là sự nghỉ ngơi vĩnh viễn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng.

- *Luận cứ 2:* Sẵn sàng cống hiến tuổi trẻ của mình cho đất nước: “rải rác biên cương mồ viễn xứ”, “chẳng tiếc đời xanh”, “anh về đất”, ra đi thanh thản, nhẹ nhàng.

*- Luận cứ 3:* Cái chết đã được lí tưởng hóa như hình ảnh những tráng sĩ xưa: “áo bào”, “khúc độc hành”; thiên nhiên cũng đau đớn thay cho nỗi đau họ phải chịu.

=> ***tinh thần hi sinh cao cả***

 ***Về nghệ thuật***

***\* Luận điểm 5: Đặc sắc nghệ thuật***

- Dòng cảm xúc thiết tha, mãnh liệt. Ngôn ngữ giàu chất tạo hình và giàu tính nhạc với âm điệu, nhịp thơ biến hóa linh hoạt.

- Sự kết hợp hài hòa giữa giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn.

- Từ Hán Việt gợi lên âm hưởng cổ kính; những kết hợp từ độc đáo; những từ ngữ in đậm dấu ấn đời lính tạo nên tính chân thực, cụ thể, vừa sinh động vừa hấp dẫn.

- Giọng thơ thay đổi theo dòng cảm xúc, khi tha thiết bồi hồi với nỗi nhớ vời vợi, khi bừng lên với đêm hội núi rừng, khi lắng lại trong kỉ niệm bâng khuâng, khi trang nghiêm, bi hùng gắn với hình ảnh những đồng đội một thời chiến đấu và hi sinh.

**II. BÀI TẬP THỰC HÀNH**

 **Đề bài**: Phân tích 8 câu thơ đầu bài ***Việt Bắc*** của Tố Hữu

**1. Phân tích đề**

- Yêu cầu của đề bài: phân tích nội dung 8 câu thơ đầu bài *Việt Bắc*.

- Phạm vi tư liệu, dẫn chứng : các câu thơ, từ ngữ, chi tiết tiêu biểu trong 8 câu thơ đầu trong bài thơ *Việt Bắc*của Tố Hữu.

- Phương pháp lập luận chính : phân tích.

**2. Xác định hệ thống luận điểm: Xác định các luận điểm về nội dung và nghệ thuật**

- ***Luận điểm 1***: *Nỗi nhớ của người ở lại dành cho người ra đi*

*-****Luận điểm 2***: *Tiếng lòng của người ra đi mang bao nhớ thương, bịn rịn*

***- Luận điểm 3:*** *Đặc sắc nghệ thuật*

**3. Lập dàn ý**

***3.1. Mở bài:***

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

+ Tố Hữu là nhà thơ tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị, là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng Việt Nam.

+ ***Việt Bắc*** là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là đỉnh cao của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

- Khái quát nội dung 8 câu thơ đầu bài Việt Bắc : Đoạn thơ đã tái hiện niềm thương nỗi nhớ, cũng chính là niềm trăn trở chung của đồng bào ta trong lần chia tay lịch sử.

***3.2. Thân bài*:**

**3.2.1. Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm**

**3.2.2. Phân tích nội dung đoạn thơ 8 câu thơ đầu**

***\*Luận điểm 1 (4 câu đầu): Nỗi nhớ của người ở lại dành cho người ra đi***

- Khơi gợi kỷ niệm về một giai đoạn đã qua, về không gian nguồn cội, nghĩa tình.

+ Điệp từ "nhớ" thể hiện nỗi nhớ da diết, sâu nặng

+ Cách xưng hô "mình - ta” : thân mật gần gũi như trong ca dao

+ Điệp cấu trúc “mình về mình có nhớ” : lời ướm hỏi, khơi gợi lại những kỉ niệm về “mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng”, về thiên nhiên Việt Bắc nghĩa tình.

=> Hai câu hỏi đều hướng về nỗi nhớ, một nỗi nhớ về thời gian “mười lăm năm”, một nỗi nhớ về không gian: sông, núi, nguồn.

=> Đó là khoảng thời gian gắn bó biết bao kỉ niệm của người dân Việt Bắc với người lính.

***\* Luận điểm (4 câu sau): Tiếng lòng của người về xuôi mang bao nỗi nhớ thương, bịn rịn***

- Từ láy “bâng khuâng” thể hiện sự xao xuyến, “bồn chồn” thể hiện sự không yên tâm trong dạ, không nỡ rời bước

- Hình ảnh “áo chàm” chỉ người dân Việt Bắc thân thương giản dị

- Cử chỉ "cầm tay nhau" thay lời nói chứa đầy cảm xúc.

=> Không khí buổi chia tay thân tình, gần gũi, bịn rịn không muốn chia xa.

- Lời người ở lại nhắn gửi tới người ra đi: Lời nhắn gửi được thể hiện dưới hình thức những câu hỏi: nhớ về Việt Bắc cội nguồn quê hương cách mạng, nhớ thiên nhiên Việt Bắc, nhớ những địa danh lịch sử, nhớ những kỉ niệm ân tình...

+ Liệt kê hàng loạt các kỉ niệm

+ Ẩn dụ, nhân hóa: *rừng núi nhớ ai*

+ Điệp từ “*mình”*

+ Cách ngắt nhịp 4/4 đều tha thiết nhắn nhủ người về thật truyền cảm.

=> Thiên nhiên, mảnh đất và con người Việt Bắc với biết bao tình nghĩa, ân tình, thủy chung.

***\* Luận điểm 3: Đặc sắc nghệ thuật***

- Thể thơ lục bát truyền thống

- Sử dụng hình ảnh đối đáp quen thuộc trong ca dao

- Sử dụng hình ảnh hoán dụ, từ láy, câu hỏi tu từ, lặp cấu trúc.

- Giọng thơ trữ tình, đằm thắm

- Ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu.

=> Đánh giá chung

***3.3. Kết bài***

- Khái quát nội dung 8 câu thơ đầu bài ***Việt Bắc***.

- Cảm nhận về đoạn thơ.

- Liên hệ, mở rộng.